



BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

*

Số 196-QĐ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2026

QUY ĐỊNH

**về tổ chức đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty,
công ty, ngân hàng thương mại nhà nước**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy định số 20-QĐ/TW, ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về thi hành Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Kết luận số 208-KL/TW, ngày 11/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp tổ chức đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước;

- Căn cứ Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Căn cứ Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIV;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, các luật có liên quan.

Ban Bí thư quy định về tổ chức đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, công ty, ngân hàng thương mại nhà nước như sau:

Điều 1. Về tổ chức đảng

Tổ chức đảng trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, công ty, ngân hàng thương mại nhà nước, tổ chức tài chính, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc cổ phần, vốn góp chi phối (trong Quy định này gọi là doanh nghiệp nhà nước) trực thuộc đảng uỷ bộ, cơ quan ngang bộ (không bao gồm tổ chức đảng doanh nghiệp nhà nước do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý), trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định; trực thuộc cấp uỷ địa phương (đảng uỷ xã, phường, đặc khu nơi đặt trụ sở hoặc đảng uỷ uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc tỉnh uỷ, thành uỷ) được tổ chức theo 2 mô hình:

1. Đảng bộ toàn doanh nghiệp.
2. Đảng bộ công ty mẹ của doanh nghiệp.

Điều 2. Điều kiện thành lập đảng bộ toàn doanh nghiệp

1. Đảng bộ toàn doanh nghiệp trực thuộc đảng uỷ bộ, cơ quan ngang bộ được thành lập khi có đủ các điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hoặc phê duyệt cho thành lập; có vị trí quan trọng về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng.

b) Hoạt động của các đơn vị thành viên và doanh nghiệp nhà nước gắn kết chặt chẽ với nhau; các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc hoặc cơ bản phụ thuộc hoàn toàn công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, tổng công ty về công nghệ, kỹ thuật, tài chính, thị trường, sản phẩm và dịch vụ chính.

c) Các đơn vị thành viên của doanh nghiệp nhà nước đóng trên nhiều địa bàn nhưng không chi phối hoặc chi phối không lớn đến nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

2. Đảng bộ toàn doanh nghiệp trực thuộc cấp uỷ địa phương (đảng uỷ xã, phường, đặc khu nơi đặt trụ sở hoặc đảng uỷ uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc tỉnh uỷ, thành uỷ) được thành lập khi có đủ các điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp nhà nước do uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc do các bộ, ngành quyết định thành lập.

b) Hoạt động của các đơn vị thành viên và doanh nghiệp nhà nước gắn kết chặt chẽ với nhau; các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc hoặc cơ bản phụ thuộc hoàn toàn công ty mẹ của tổng công ty, công ty về công nghệ, kỹ thuật, tài chính, thị trường, sản phẩm và dịch vụ chính.

c) Các đơn vị thành viên của doanh nghiệp nhà nước đóng trên nhiều xã, phường, đặc khu trong và ngoài tỉnh, thành phố và không chi phối hoặc chi phối không lớn đến nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định thành lập đảng bộ toàn doanh nghiệp

1. Đảng bộ toàn doanh nghiệp trực thuộc đảng uỷ bộ, cơ quan ngang bộ do đảng uỷ bộ, cơ quan ngang bộ quyết định thành lập sau khi có ý kiến

đồng ý bằng văn bản của Ban Tổ chức Trung ương; đồng thời, được tiếp nhận toàn bộ tổ chức đảng trong đơn vị, tổ chức thuộc doanh nghiệp nhà nước đang thuộc đảng bộ địa phương về đảng bộ doanh nghiệp nhà nước trực thuộc đảng uỷ bộ, cơ quan ngang bộ.

Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

2. Đảng bộ toàn doanh nghiệp trực thuộc cấp uỷ cấp tỉnh do cấp uỷ cấp tỉnh quyết định thành lập sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Ban Tổ chức Trung ương; đồng thời, được tiếp nhận toàn bộ tổ chức đảng trong đơn vị, tổ chức thuộc doanh nghiệp nhà nước đang thuộc đảng bộ xã, phường, đặc khu về đảng bộ doanh nghiệp nhà nước trực thuộc cấp uỷ cấp tỉnh.

3. Đảng bộ toàn doanh nghiệp trực thuộc cấp uỷ xã, phường, đặc khu hoặc đảng uỷ uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố do cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định thành lập sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của tỉnh uỷ, thành uỷ; đồng thời, được tiếp nhận toàn bộ tổ chức đảng trong đơn vị, tổ chức thuộc doanh nghiệp nhà nước đang thuộc đảng bộ xã, phường, đặc khu về đảng bộ doanh nghiệp nhà nước.

Điều 4. Điều kiện thành lập đảng bộ công ty mẹ của doanh nghiệp

1. Đảng bộ công ty mẹ của doanh nghiệp trực thuộc đảng uỷ bộ, cơ quan ngang bộ bao gồm: Tổ chức đảng các phòng, ban, công ty, đơn vị trực thuộc trụ sở chính, các chi nhánh (trừ chi nhánh ngân hàng), văn phòng đại diện hạch toán phụ thuộc; tổ chức đảng ở các doanh nghiệp, đơn vị thành viên có trụ sở đóng trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố với trụ sở chính và tổ chức đảng ở các đơn vị thành viên có vị trí, vai trò trụ cột của doanh nghiệp không đóng trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố với trụ sở chính.

Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

2. Các đảng bộ, chi bộ cơ sở đơn vị thành viên còn lại của doanh nghiệp nhà nước trực thuộc cấp uỷ xã, phường, đặc khu hoặc đảng uỷ uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi đơn vị thành viên doanh nghiệp nhà nước đặt trụ sở chính.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thành lập đảng bộ công ty mẹ của doanh nghiệp

1. Đảng bộ công ty mẹ của doanh nghiệp trực thuộc đảng uỷ bộ, cơ quan ngang bộ do đảng uỷ bộ, cơ quan ngang bộ quyết định thành lập sau khi

có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Đảng uỷ Chính phủ. Đảng bộ công ty mẹ của doanh nghiệp được tiếp nhận toàn bộ tổ chức đảng trong đơn vị nêu tại Điều 4 đang thuộc các đảng bộ địa phương.

Trường hợp đặc biệt do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

2. Đảng bộ công ty mẹ của doanh nghiệp trực thuộc cấp uỷ cấp tỉnh do cấp uỷ cấp tỉnh quyết định thành lập sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Ban Tổ chức Trung ương.

3. Đảng bộ công ty mẹ của doanh nghiệp trực thuộc đảng uỷ xã, phường, đặc khu hoặc đảng uỷ uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố do đảng uỷ xã, phường, đặc khu hoặc đảng uỷ uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định thành lập sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của tỉnh uỷ, thành uỷ. Đảng bộ công ty mẹ của doanh nghiệp được tiếp nhận toàn bộ tổ chức đảng trong đơn vị nêu tại Điều 4 đang thuộc các đảng bộ địa phương.

Điều 6. Thành lập đảng bộ cơ sở doanh nghiệp nhà nước

Đảng bộ doanh nghiệp nhà nước mà cấp uỷ cấp trên trực tiếp là tỉnh uỷ, thành uỷ hoặc đảng uỷ trực thuộc Trung ương nhưng chưa đủ điều kiện thành lập đảng bộ cấp trên cơ sở thì cấp uỷ cấp tỉnh quyết định thành lập đảng bộ cơ sở doanh nghiệp nhà nước sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 7. Phối hợp công tác giữa đảng uỷ doanh nghiệp nhà nước với cấp uỷ địa phương

Đảng uỷ doanh nghiệp nhà nước chủ trì, phối hợp với cấp uỷ địa phương nơi các đơn vị thành viên đặt trên địa bàn lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh và công tác cán bộ; phối hợp với cấp uỷ địa phương lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội theo Quy chế phối hợp công tác giữa đảng uỷ doanh nghiệp nhà nước với cấp uỷ địa phương do Ban Bí thư ban hành.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo việc chuyển giao, tiếp nhận, kiện toàn tổ chức đảng doanh nghiệp nhà nước theo Quy định này; phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát; tiến hành sơ kết, tổng kết Quy định, báo cáo Ban Bí thư.

2. Tỉnh uỷ, thành uỷ, Đảng uỷ Chính phủ có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tổ chức học tập, nghiên cứu Quy định; xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện Quy định này và bổ sung, sửa đổi quy chế làm việc của cấp uỷ cho phù hợp; hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra đảng uỷ bộ, cơ quan ngang bộ, đảng uỷ xã, phường, đặc khu, đảng uỷ uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố, đảng uỷ doanh nghiệp nhà nước xây dựng và ban hành quy chế làm việc theo các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Quy định này.

3. Đảng uỷ doanh nghiệp nhà nước trực thuộc đảng uỷ bộ, cơ quan ngang bộ và cấp uỷ cấp tỉnh nơi các đơn vị thành viên đặt trụ sở chính xây dựng quy chế phối hợp công tác, cụ thể hoá nội dung Quy định này và các quy định có liên quan; đảng uỷ doanh nghiệp trực thuộc cấp uỷ địa phương, đảng uỷ uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố và đảng uỷ xã, phường, đặc khu nơi các đơn vị thành viên đặt trụ sở chính xây dựng quy chế phối hợp công tác, cụ thể hoá nội dung Quy định này và các quy định có liên quan, hoàn thành trước ngày 30/8/2026.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy định số 60-QĐ/TW, ngày 08/3/2022 của Ban Bí thư về tổ chức đảng trong các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại nhà nước.

Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung thì các cấp uỷ phản ánh, kiến nghị để Ban Tổ chức Trung ương báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ;
- Các ban đảng, cơ quan, đơn vị của Đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các đảng uỷ bộ, cơ quan ngang bộ;
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ



Trần Cẩm Tú